

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (sau đây gọi là Nghị quyết số 132/2020/QH14), bao gồm các nội dung sau:

1. Chế độ sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

2. Xử lý đất quốc phòng, an ninh đối với dự án, hợp đồng thuê đất, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện và đối với doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị quân đội, đơn vị công an, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân (sau đây gọi là đơn vị).

2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân trực tiếp làm nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh (sau đây gọi là doanh nghiệp quân đội, công an).

3. Tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Yêu cầu trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

1. Việc sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 132/2020/QH14; trường hợp hợp tác với đối tác nước ngoài thì phải bảo đảm phù hợp với đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

3. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ trong việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

4. Khi cần sử dụng đất để thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định chấm dứt phương án sử dụng đất tại các đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an; các tổ chức, cá nhân có liên quan phải bàn giao lại đất cho các đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an để thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh.

5. Trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an đang sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải hoàn thành việc rà soát, lập phương án sử dụng đất hoặc phương án xử lý dự án, hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện (sau đây gọi chung là phương án xử lý) và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 132/2020/QH14 và Nghị định này.

Chương II

CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ

Điều 4. Các trường hợp sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

Đơn vị quân đội, đơn vị công an, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư khi sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế để phục vụ chủ yếu cho nhiệm vụ của đơn vị và thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm:

1. Sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế để tổ chức tăng gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, chế biến thủy sản.

2. Sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế để tổ chức dịch vụ hỗ trợ hậu cần - kỹ thuật gồm:

a) Thư viện, bảo tàng; nhà hát, cơ sở phát thanh, truyền hình, điện ảnh; cơ sở báo chí, in ấn, xuất bản; nhà khách, nhà công vụ; cơ sở y tế, nhà an dưỡng, nhà nghỉ dưỡng, trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng; căng tin nội bộ;

b) Cơ sở nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật quân sự, nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ; cơ sở sản xuất quân trang; cơ sở sản xuất thực nghiệm; cơ sở xúc tiến thương mại quân sự, đối ngoại quân sự, an ninh;

c) Cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa xe, máy, tàu, thuyền, trang thiết bị kỹ thuật; kho, trạm dự trữ, cung ứng, cấp phát xăng, dầu; kho, bãi phương tiện vận tải, kỹ thuật nghiệp vụ; cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá; vị trí lắp đặt, bảo đảm an ninh, an toàn cho thiết bị của dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện lực, ngân hàng phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh.

3. Sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế để tổ chức lao động, giáo dục, giáo dục cải tạo, rèn luyện gồm:

a) Cơ sở giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; cơ sở thi đấu, tập luyện thể dục, thể thao; cơ sở huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ;

b) Khu lao động, dạy nghề cho phạm nhân;

c) Nhà xưởng lao động cải tạo cho phạm nhân;

d) Công trình phục vụ sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ, học viên, phạm nhân.

Điều 5. Các trường hợp sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm

1. Đơn vị quân đội, đơn vị công an được tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14 và quy định tại Nghị định này; đơn vị quân đội, đơn vị công an sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không thuộc trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, doanh nghiệp quân đội, công an sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Điều 6. Tiền sử dụng đất hằng năm

1. Tiền sử dụng đất hằng năm khi sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế được xác định theo công thức sau:

Tiền sử dụng đất hằng năm	=	Diện tích đất sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo phương án được phê duyệt	x	Giá đất cụ thể theo mục đích sử dụng kết hợp	x	Tỷ lệ % đơn giá sử dụng đất hằng năm	x	Tỷ lệ % doanh thu ngoài nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh hằng năm
---------------------------	---	---	---	--	---	--------------------------------------	---	--

Trong đó:

- Mục đích sử dụng kết hợp được xác định theo loại đất quy định tại Điều 10 của Luật Đất đai. Trường hợp sử dụng đất vào nhiều mục đích khác nhau mà không xác định được ranh giới sử dụng đất giữa các mục đích thì mục đích sử dụng đất kết hợp được xác định theo loại đất có mức giá cao nhất.

- Giá đất cụ thể theo mục đích sử dụng kết hợp của năm tính thu tiền sử dụng đất được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp trong năm sử dụng đất có sự biến động về giá đất trong bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất thì áp dụng theo mức cao nhất.

- Tỷ lệ % đơn giá sử dụng đất hằng năm được áp dụng theo tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm của năm tính thu tiền sử dụng đất theo Nghị định của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Trường hợp trong năm sử dụng đất có sự biến động về tỷ lệ % đơn giá sử dụng đất thì áp dụng theo mức cao nhất.

- Tỷ lệ % doanh thu ngoài nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh hằng năm được xác định theo báo cáo tài chính hằng năm của đơn vị, doanh nghiệp.

2. Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất hằng năm

a) Năm đầu tiên được tính từ ngày đầu của tháng kế tiếp sau khi quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất hoặc phương án xử lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp phương án sử dụng đất hoặc phương án xử lý kết thúc trong năm đầu tiên thì tiền sử dụng đất hằng năm tính từ ngày đầu của tháng kế tiếp sau khi quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất hoặc phương án xử lý có hiệu lực đến ngày cuối cùng của tháng kết thúc phương án sử dụng đất hoặc phương án xử lý;

b) Từ năm thứ hai được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm;

c) Năm kết thúc được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng kết thúc phương án sử dụng đất hoặc phương án xử lý.

3. Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì xác định tiền sử dụng đất hằng năm đối với đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt và gửi thông báo nghĩa vụ tài chính đến đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an.

Đối với dự án, hợp đồng sử dụng đất, hợp đồng thuê đất, hợp đồng liên doanh, liên kết đã ký kết trước ngày Nghị quyết số 132/2020/QH14 có hiệu lực thi hành nhưng chưa thu tiền sử dụng đất thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phương án xử lý được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an căn cứ dự án, hợp đồng thuê đất, hợp đồng liên doanh, liên kết đã ký kết và báo cáo tài chính để xác định số tiền đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an phải nộp theo dự án, hợp đồng trước ngày Nghị quyết số 132/2020/QH14 có hiệu lực thi hành nhưng phải đảm bảo không thấp hơn tiền sử dụng đất hằng năm tính theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nghĩa vụ tài chính, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính quy định tại khoản 4 Điều này thì thực hiện theo quy định như sau:

a) Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an phải nộp tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền sử dụng đất hằng năm chậm nộp;

b) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chậm nộp tiền theo quy định tại khoản 4 Điều này mà đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an vẫn không nộp hoặc nộp không đầy đủ tiền sử dụng đất hằng năm thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an chấm dứt phương án sử dụng đất quốc phòng,

an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế hoặc phương án xử lý, trừ trường hợp bất khả kháng do ảnh hưởng trực tiếp của hỏa hoạn, dịch bệnh, ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh và các trường hợp bất khả kháng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Cục Tài chính thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Kế hoạch và tài chính thuộc Bộ Công an có trách nhiệm xác định, thông báo và thu số tiền chậm nộp đối với đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an thuộc trường hợp chậm nộp theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 7. Lập, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an khi sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế có trách nhiệm rà soát, lập hồ sơ phương án sử dụng đất, gồm:

a) Phương án sử dụng đất (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao quyết định vị trí đóng quân hoặc bản sao quyết định giao cơ sở nhà đất; bản sao quyết định quy mô giam giữ (nếu có); bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyết định giao đất (nếu có);

c) Sơ đồ vị trí hiện trạng khu đất;

d) Bản sao các văn bản có liên quan về việc sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (nếu có).

2. Đối với đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thì lập Tờ trình (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này) kèm theo hồ sơ phương án sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này gửi Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng đối với phương án sử dụng đất quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an đối với phương án sử dụng đất an ninh để tổ chức thẩm định.

3. Đối với đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an có đơn vị cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thì lập hồ sơ phương án sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều này, báo cáo đơn vị cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ phương án sử dụng đất, đơn vị cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm xem xét, lập Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này gửi Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng đối với phương án sử dụng đất quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an đối với phương án sử dụng đất an ninh để thẩm định.

4. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an có trách nhiệm trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

5. Trình tự thẩm định, phê duyệt thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ phương án sử dụng đất hợp lệ, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an có trách nhiệm gửi lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tổ chức thẩm định. Trường hợp cần thiết, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa các khu vực đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Đối với phương án sử dụng đất quốc phòng, sau khi tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm lấy ý kiến Bộ Tổng Tham mưu.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản về phương án sử dụng đất;

b) Trường hợp hồ sơ phương án sử dụng đất đảm bảo yêu cầu về các nội dung thẩm định quy định tại khoản 6 Điều này, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định;

c) Trường hợp hồ sơ phương án sử dụng đất không đảm bảo yêu cầu về các nội dung thẩm định quy định tại khoản 6 Điều này, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an phải có văn bản thẩm định gửi đơn vị trình phương án sử dụng đất để chỉnh lý, hoàn thiện.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chỉ đạo đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ phương án sử dụng đất và trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Kinh tế), Bộ trưởng Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) xem xét, quyết định;

d) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ phương án sử dụng đất của Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Nội dung thẩm định phương án sử dụng đất gồm:

a) Sự cần thiết sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế và việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh;

b) Nội dung, vị trí, diện tích, mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

c) Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh và quy hoạch địa phương;

d) Phương án xử lý tài sản gắn liền với đất được tạo lập khi chấm dứt việc sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

đ) Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường;

e) Giải pháp tổ chức thực hiện.

Chương III

XỬ LÝ ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH ĐỐI VỚI DỰ ÁN, HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH, LIÊN KẾT ĐÃ THỰC HIỆN; TẠI DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA, THOÁI VỐN

Điều 8. Xử lý dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện

1. Dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết sai phạm, không hiệu quả thuộc một trong các trường hợp sau thì phải chấm dứt, thanh lý, thu hồi:

a) Đã có văn bản kết luận sai phạm và không được tiếp tục thực hiện của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Không triển khai trong thời hạn 12 tháng hoặc chậm tiến độ triển khai trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày được sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, trừ trường hợp bất khả kháng do ảnh hưởng trực tiếp của hỏa hoạn, dịch bệnh, ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh và các trường hợp không phải do nguyên nhân chủ quan của đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an hoặc tổ chức, cá nhân thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết;

c) Không phù hợp với nguyên tắc sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 132/2020/QH14;

d) Khu vực đất thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết bị lấn, chiếm hoặc có tranh chấp mà không thể tiếp tục triển khai thực hiện;

đ) Không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh; không đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường; ảnh hưởng xấu tới kiến trúc, cảnh quan của đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an;

e) Việc sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phù hợp với quy hoạch của địa phương.

2. Dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì được xem xét, tiếp tục thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14 và quy định tại Nghị định này.

3. Trường hợp chấm dứt, thanh lý, thu hồi dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc trường hợp chấm dứt hợp tác với tổ chức, cá nhân vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14 thì tài sản, quyền và lợi ích của các bên bao gồm cả bên có quyền và lợi ích liên quan được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm rà soát, đề xuất phương án xử lý dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đã thực hiện

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an có dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định này có trách nhiệm chủ trì rà soát, lập hồ sơ phương án xử lý theo quy định sau:

a) Đối với trường hợp chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết thì trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này;

b) Đối với trường hợp tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết thì trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án xử lý theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án hợp đồng liên doanh, liên kết có trách nhiệm phối hợp với đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an đề xuất phương án xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án xử lý đối với trường hợp chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất quốc phòng, an ninh để thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết lập hồ sơ trình phương án xử lý. Hồ sơ gồm:

a) Phương án xử lý (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao quyết định vị trí đóng quân hoặc bản sao quyết định giao cơ sở nhà đất; bản sao quyết định quy mô giam giữ (nếu có); bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyết định giao đất (nếu có);

c) Bản sao báo cáo đề xuất dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết; bản sao Quyết định hoặc văn bản phê duyệt chủ trương dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết; bản sao Quyết định phê duyệt phương án thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết; bản sao Hợp đồng nguyên tắc và phụ lục kèm theo (nếu có); bản sao Hợp đồng hợp tác kinh doanh và phụ lục kèm theo (nếu có);

d) Sơ đồ vị trí hiện trạng khu đất;

đ) Tài liệu, chứng từ chứng minh số tiền hợp pháp đã đầu tư vào tài sản trên đất quốc phòng, an ninh (trong đó phải có: biên bản kiểm kê tài sản, biên bản đối chiếu xác định giá trị thực tế đầu tư, giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư giữa các bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành).

2. Đối với đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thì lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo hồ sơ phương án xử lý quy định tại khoản 1 Điều này gửi Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an để tổ chức thẩm định.

3. Đối với đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an có đơn vị cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thì lập hồ sơ phương án xử lý báo cáo đơn vị cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ phương án xử lý, đơn vị cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm xem xét, lập Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án xử lý theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này gửi Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an để tổ chức thẩm định.

4. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an có trách nhiệm trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản.

5. Trình tự thẩm định, phê duyệt thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ phương án xử lý hợp lệ, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an có trách nhiệm gửi lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tổ chức thẩm định. Trường hợp cần thiết, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa các khu vực đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Trường hợp phương án xử lý đất quốc phòng, an ninh có đối tác nước ngoài cùng thực hiện, trong quá trình thẩm định, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao.

Đối với phương án xử lý đất quốc phòng, sau khi tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm lấy ý kiến Bộ Tổng Tham mưu.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về phương án xử lý;

b) Trường hợp hồ sơ phương án xử lý đảm bảo yêu cầu về các nội dung thẩm định quy định tại khoản 6 Điều này, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định;

c) Trường hợp hồ sơ phương án xử lý không đảm bảo yêu cầu về các nội dung thẩm định quy định tại khoản 6 Điều này, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an phải có văn bản thẩm định gửi đơn vị trình phương án xử lý để chỉnh lý, hoàn thiện.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chỉ đạo đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ phương án xử lý để trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng qua Cục Kinh tế, Bộ trưởng Bộ Công an qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại xem xét, phê duyệt;

d) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ phương án xử lý của Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phê duyệt phương án xử lý theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Nội dung thẩm định phương án xử lý gồm:

a) Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn của việc chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết;

b) Tính khả thi của các giải pháp xử lý tài sản gắn liền với đất quốc phòng, an ninh (nếu có); nguồn tài chính để xử lý việc chấm dứt;

c) Rủi ro pháp lý và giải pháp xử lý (nếu có);

d) Thời gian và trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình thực hiện phương án xử lý được phê duyệt.

Điều 11. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án xử lý đối với trường hợp tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh liên kết

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất quốc phòng, an ninh để thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết lập hồ sơ trình phương án xử lý. Hồ sơ phương án xử lý, gồm:

a) Phương án xử lý (theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Các hồ sơ, tài liệu quy định tại điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

2. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an báo cáo và đề nghị đơn vị cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (nếu có) gửi văn bản kèm theo phương án xử lý quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và hồ sơ, tài liệu quy định tại điểm b, d tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất để xin ý kiến.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ quy định tại khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp của việc sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế với quy hoạch của địa phương đã được phê duyệt.

3. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập Tờ trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này cùng với hồ sơ phương án xử lý quy định tại khoản 1 Điều này và ý kiến của

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều này gửi Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an để thẩm định.

4. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an có trách nhiệm trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do.

5. Trình tự thẩm định, phê duyệt thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định này. Đối với Quyết định phê duyệt phương án xử lý của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Nội dung thẩm định:

a) Sự cần thiết sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế và việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh;

b) Nội dung, vị trí, diện tích, mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

c) Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh và quy hoạch của địa phương;

d) Sự phù hợp của đối tượng được sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế với quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14 (nếu có);

đ) Phương án xử lý tài sản gắn liền với đất được tạo lập khi chấm dứt việc sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

e) Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường;

g) Giải pháp tổ chức thực hiện.

Điều 12. Việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp quân đội, công an thuộc danh mục cổ phần hóa, thoái vốn và doanh nghiệp đã thoái hết vốn nhà nước đang sử dụng đất quốc phòng, an ninh

Việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp quân đội, công an thuộc danh mục cổ phần hóa, doanh nghiệp đã cổ phần hóa còn vốn nhà nước, doanh nghiệp cổ phần đã thoái hết vốn nhà nước đang sử dụng đất quốc phòng, an ninh (sau đây viết tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn) thực hiện theo quy định sau đây:

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn đang sử dụng đất quốc phòng, an ninh có trách nhiệm lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và gửi Cục Kinh tế thuộc

Bộ Quốc phòng đối với đất quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an đối với đất an ninh để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn sử dụng đất do các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý thì phải báo cáo các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để tổng hợp và gửi Cục Kinh tế thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thuộc Bộ Công an.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của từng doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất.

3. Sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất đối với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Tài chính và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt riêng phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của doanh nghiệp cổ phần hóa, thoái vốn.

4. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn thực hiện theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

5. Các hình thức sắp xếp lại, xử lý nhà đất tại doanh nghiệp quân đội, công an thuộc danh mục cổ phần hóa, thoái vốn được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công và quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH TỪ ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ

Điều 13. Khoản thu và nội dung chi

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thu, nộp vào ngân sách nhà nước các khoản tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 132/2020/QH14.

2. Nội dung chi

a) Chi bồi thường, hỗ trợ di dời, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất quốc phòng, an ninh bị cấp chồng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc khi Nhà nước thu hồi đất giao cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý, sử dụng nhưng không có dự án đầu tư; hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân ra khỏi khuôn viên cơ sở nhà, đất quốc phòng, an ninh khi không đủ điều kiện chuyển giao ra địa phương quản lý, xử lý; hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân ra khỏi khu vực đất quốc phòng, an ninh bị lấn chiếm, xâm canh, xâm cư; xây dựng các công trình chống lấn chiếm; công tác quản lý, bảo vệ đất quốc phòng, an ninh;

b) Chi bồi thường giá trị còn lại trên sổ sách kế toán của tài sản trên đất quốc phòng, an ninh của các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp lại, cổ phần hóa, thoái vốn theo phương án được duyệt;

c) Chi bồi thường giá trị còn lại tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14;

d) Chi giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động; xử lý các khoản tồn đọng về tài chính khi thực hiện sắp xếp lại, cổ phần hóa trong trường hợp doanh nghiệp không có nguồn vốn để xử lý;

đ) Chi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh; chi xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng lao động, mua sắm thiết bị cho lao động cải tạo phạm nhân, đào tạo dạy nghề cho phạm nhân;

e) Chi bổ sung vốn điều lệ còn thiếu theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đầu tư nâng cao năng lực sản xuất quốc phòng, an ninh cho các doanh nghiệp quân đội, công an; chi phát triển hoạt động sự nghiệp quốc phòng, an ninh;

g) Chi công tác chính sách hậu phương quân đội, công an; các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa; công tác đối ngoại quốc phòng, an ninh;

h) Chi cho các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quản lý số tiền thu được từ việc sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an có trách nhiệm nộp đầy đủ, kịp thời tiền sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế về tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước do Cục Tài chính thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Kế hoạch và tài chính thuộc Bộ Công an làm chủ tài khoản.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nộp toàn bộ số tiền thu được từ sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Hằng năm, căn cứ vào số tiền thu từ sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế đã nộp ngân sách nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập dự toán chi ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (3). 408

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số: 26/2021/NĐ-CP
ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Phương án sử dụng đất của...
Mẫu số 02	Tờ trình về việc phê duyệt phương án sử dụng đất, phương án xử lý chấm dứt hoặc tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết
Mẫu số 03	Phương án xử lý chấm dứt dự án, hợp đồng, liên doanh, liên kết của.....
Mẫu số 04	Phương án xử lý tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng, liên doanh, liên kết của.....
Mẫu số 05	Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết
Mẫu số 06	Quyết định về việc phê duyệt phương án sử dụng đất hoặc phương án xử lý tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT CỦA ...

Ngày..... tháng..... năm.....
Tên đơn vị, doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm.....

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

a) Căn cứ Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

b) Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

c) Các văn bản có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp quân đội, công an;

b) Kết quả sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an trong 03 năm liền kề trước thời điểm xây dựng phương án.

II. HIỆN TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Vị trí, ranh giới, diện tích đất và tài sản gắn liền với đất được giao.

2. Hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được giao.

3. Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

4. Sự cần thiết sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH KẾT HỢP VỚI HOẠT ĐỘNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT, XÂY DỰNG KINH TẾ

1. Khái quát phương hướng, mục tiêu sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

2. Nội dung phương án sử dụng đất:

a) Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an chủ trì thực hiện; đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện (nếu có).

b) Vị trí, ranh giới, diện tích đất dự kiến sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (kèm theo sơ đồ vị trí mốc ranh giới).

c) Nội dung, mục đích, hình thức sử dụng đất kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

- Nội dung kết hợp;
- Mục đích kết hợp;
- Hình thức sử dụng (không nộp tiền sử dụng đất hằng năm hoặc có nộp tiền sử dụng đất hằng năm);
- Tài sản gắn liền với đất sẽ đầu tư xây dựng khi sử dụng đất kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (nếu có);
- Thời hạn sử dụng, tiến độ thực hiện;
- Dự kiến sản phẩm, dịch vụ của hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;
- Nguồn lực tài chính để thực hiện hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

d) Đánh giá tác động của việc sử dụng đất kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế đến việc thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh.

đ) Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh.

e) Dự kiến phương án xử lý tài sản gắn liền với đất được tạo lập khi chấm dứt việc sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

g) Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường.

h) Các giải pháp tổ chức thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất
2. Kiến nghị

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN¹
TÊN ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...³...-...⁴...

.....⁵..., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH
Về việc⁶

Căn cứ Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Tên đơn vị, doanh nghiệp² trình phê duyệt ...⁶... với các nội dung chính như sau:

.....
.....
...../.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,...⁸ ...⁹.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(*Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức*)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an.

² Tên đơn vị, doanh nghiệp Quân đội, Công an trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

³ Chữ viết tắt tên loại văn bản.

⁴ Chữ viết tắt tên đơn vị, doanh nghiệp Quân đội, Công an trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

⁵ Địa danh.

⁶ Phê duyệt phương án sử dụng đất, phương án xử lý chấm dứt hoặc tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

⁷ Nội dung chủ yếu trình phê duyệt: các nội dung quy định tại Mục III Mẫu số 01 kèm theo Nghị định này đối với phương án sử dụng đất; các nội dung quy định tại Mục II Mẫu số 03 kèm theo Nghị định này đối với phương án xử lý chấm dứt thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết; các nội dung quy định tại Mục II Mẫu số 04 kèm theo Nghị định này đối với phương án xử lý tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

⁸ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.

⁹ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ
CHẤM DỨT DỰ ÁN, HỢP ĐỒNG, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT
CỦA...

Ngày..... tháng..... năm.....
Tên đơn vị, doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm.....

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

a) Căn cứ Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

b) Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

c) Các văn bản có liên quan đến việc thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp quân đội, công an.

b) Vị trí, ranh giới, diện tích đất và tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

c) Hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết:

- Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết;

- Số tiền hợp pháp đã đầu tư vào tài sản trên đất quốc phòng, an ninh (kèm theo biên bản kiểm kê tài sản, biên bản đối chiếu xác định giá trị thực tế đầu tư, giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư giữa các bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành).

d) Kết quả thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết trước thời điểm xây dựng phương án.

3. Sự cần thiết phải chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

II. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CHẤM DỨT DỰ ÁN, HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an chủ trì thực hiện.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp thực hiện.

3. Thỏa thuận giữa các bên có liên quan khi chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết (nếu có).

4. Đề xuất giải pháp xử lý đất và tài sản gắn liền với đất quốc phòng, an ninh.

5. Thời gian tổ chức thực hiện.

6. Nguồn lực tài chính để xử lý giá trị còn lại của tài sản đầu tư hợp pháp của các bên có liên quan trên đất quốc phòng, an ninh khi chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

7. Rủi ro pháp lý khi chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết (nếu có).

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất
2. Kiến nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ
TIẾP TỤC THỰC HIỆN DỰ ÁN, HỢP ĐỒNG, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT
CỦA...

Ngày..... tháng..... năm.....
Tên đơn vị, doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm.....

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

a) Căn cứ Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

b) Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

c) Các văn bản có liên quan đến việc thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp quân đội, công an.

b) Vị trí, ranh giới, diện tích đất và tài sản gắn liền với đất thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

c) Hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết: Phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

d) Kết quả thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết trước thời điểm xây dựng phương án

- Tiến độ sử dụng đất: Kết quả, tồn tại, bất cập và nguyên nhân (khách quan, chủ quan);

- Việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo dự án, hợp đồng đã giao kết: Kết quả, tồn tại, bất cập và nguyên nhân (khách quan, chủ quan);

- Số tiền hợp pháp đã đầu tư vào tài sản trên đất quốc phòng, an ninh (kèm theo biên bản kiểm kê tài sản, biên bản đối chiếu xác định giá trị thực tế đầu tư, giá trị còn lại của tài sản đã đầu tư giữa các bên liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành).

3. Sự cần thiết tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

II. PHƯƠNG ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN DỰ ÁN, HỢP ĐỒNG LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an chủ trì thực hiện; đối tượng được sử dụng đất quốc phòng, an ninh để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14 (nếu có).

2. Vị trí, ranh giới, diện tích đất thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết (kèm theo sơ đồ vị trí mốc ranh giới).

3. Nội dung, mục đích, hình thức sử dụng đất thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

- Nội dung sử dụng đất;
- Mục đích sử dụng đất;
- Hình thức sử dụng đất: Có nộp tiền sử dụng đất hằng năm;
- Tài sản gắn liền với đất sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng khi sử dụng đất để thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết (nếu có);
- Thời hạn sử dụng, tiến độ thực hiện;
- Nguồn lực tài chính để tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

4. Đánh giá tác động của việc thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết đến việc thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh.

5. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh.

6. Đối tượng được tiếp tục và không được tiếp tục sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 132/2020/QH14 (nếu có).

7. Dự kiến phương án xử lý tài sản gắn liền với đất được tạo lập khi chấm dứt việc sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

8. Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường.

9. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất
2. Kiến nghị

TÊN ĐƠN VỊ PHÊ DUYỆT¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...²³, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc...⁴ ...

BỘ TRƯỞNG BỘ.....

Căn cứ Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thi điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thi điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ⁵;

Căn cứ Tờ trình số.... ngày ... tháng ... năm 2021 của...⁶ ...;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số.....của....⁷

Theo đề nghị của Cục trưởng ...⁷

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt với nội dung chính như sau:

8

Ghi chú:

¹ Bộ Quốc phòng đối với đất quốc phòng, Bộ Công an đối với đất an ninh.

² Chữ viết tắt tên đơn vị phê duyệt.

³ Địa danh.

⁴ Phương án xử lý chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

⁵ Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

⁶ Đơn vị có Tờ trình.

⁷ Cục Kinh tế đối với đất quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại đối với đất an ninh.

⁸ Các nội dung quy định tại Mục II Mẫu số 03 kèm Nghị định này.

Điều 2. Trách nhiệm, nghĩa vụ của⁹khi chấm dứt phương án sử dụng đất....¹⁰

- Đối với đơn vị quân đội, công an; doanh nghiệp quân đội, công an; cơ quan cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (nếu có);

- Nguyên tắc chung khi thanh lý, thu hồi tài sản trên đất đối với phương án xử lý chấm dứt dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

11

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....¹² ...¹³.

BỘ TRƯỞNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Cấp bậc, họ và tên

⁹ Tên đơn vị cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (nếu có); đơn vị quân đội, công an; doanh nghiệp quân đội, công an trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

¹⁰ Đất quốc phòng đối với đơn vị, doanh nghiệp quân đội; đất an ninh đối với đơn vị, doanh nghiệp công an.

¹¹ Trách nhiệm thi hành của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

¹² Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.

¹³ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu có).

Mẫu số 06

TÊN ĐƠN VỊ PHÊ DUYỆT¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....².....³....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc⁴.....

BỘ TRƯỞNG BỘ.....

Căn cứ Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ⁵;

Căn cứ Tờ trình số... ngày ... tháng ... năm 2021 của...⁶...;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số... của⁷.....;

Theo đề nghị của Cục trưởng ...⁷.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt với nội dung chính như sau:

1. Đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an chủ trì thực hiện; đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân) phối hợp thực hiện (nếu có):

¹ Bộ Quốc phòng đối với đất quốc phòng, Bộ Công an đối với đất an ninh.

² Chữ viết tắt tên đơn vị phê duyệt.

³ Địa danh.

⁴ Phê duyệt phương án sử dụng đất hoặc phương án xử lý tiếp tục thực hiện dự án, hợp đồng liên doanh, liên kết.

⁵ Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

⁶ Đơn vị có Tờ trình.

⁷ Cục Kinh tế đối với đất quốc phòng, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại đối với đất an ninh.

2. Vị trí, diện tích đất sử dụng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế:

3. Mục đích kết hợp:

4. Thời hạn sử dụng, tiến độ thực hiện:

5 Nguồn lực tài chính để thực hiện hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (dự kiến):

Điều 2. Trách nhiệm của.....⁸khi quản lý, sử dụng đất.....⁹ kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế

1. Đối với đơn vị cấp trên trực thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (nếu có) chịu trách nhiệm chỉ đạo, giám sát, theo dõi trong việc sử dụng đất kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

2. Đối với đơn vị, doanh nghiệp quân đội, công an sử dụng đất kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế có trách nhiệm xác định cụ thể mốc giới sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế trên thực địa và triển khai thực hiện theo đúng phương án sử dụng đất (hoặc phương án xử lý) đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.....

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

10

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,....¹¹ ...¹² .

BỘ TRƯỞNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Cấp bậc, họ và tên

⁸ Tên đơn vị cấp trên trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (nếu có); đơn vị quân đội, công an; doanh nghiệp quân đội, công an trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

⁹ Đất quốc phòng đối với đơn vị, doanh nghiệp quân đội; đất an ninh đối với đơn vị, doanh nghiệp công an.

¹⁰ Trách nhiệm thi hành của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

¹¹ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo.

¹² Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu có).